

Số: /SNN-QLXDCT

Bắc Giang, ngày tháng 10 năm 2022

V/v thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Kênh chính Suối Ven

Kính gửi: Chi cục Thủy lợi Bắc Giang.

Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được Tờ trình số 64/TTr-CCTL ngày 03/10/2022 của Chi cục Thủy lợi Bắc Giang về việc thẩm định, phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Kênh chính Suối Ven (ngày 07/10/2022, Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa của Sở Nông nghiệp và PTNT)- Chi tiết có hồ sơ Báo cáo KTKT kèm theo.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH 13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang: Quyết định số 267/2015/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 Về việc phân bổ kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2022 (đợt 2);

Căn cứ hồ sơ Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Kênh chính Suối Ven do Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hà Bắc lập,

Sau khi xem xét, Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Kênh chính Suối Ven với các nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH.

- 1. Tên công trình:** Kênh chính Suối Ven.
- 2. Loại, cấp công trình:** Công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp IV
- 3. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

4. Chủ đầu tư: Chi cục Thủy lợi tỉnh Bắc Giang.
5. Giá trị dự toán xây dựng công trình (theo Tờ trình số 64/TTr-CCTL): 3.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ đồng).
6. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.
7. Địa điểm xây dựng: huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.
8. Thời gian thực hiện: Năm 2022-2023.
9. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo KTKT: Công ty TNHH tư vấn xây dựng Hà Bắc.

II. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý

- Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phân bổ kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2022 (đợt 2);
- Văn bản số 1244/SNN-KHTC ngày 29/6/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang ủy quyền chủ đầu tư thực hiện kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2022 (đợt 2);
- Các Quyết định của Chi cục trưởng chi cục Thủy lợi Bắc Giang: Quyết định số 100/QĐ-CCTL ngày 01/8/2022 về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát – lập Báo cáo KTKT; Quyết định số 102/QĐ-CCTL ngày 01/8/2022 về việc phê duyệt một số khoản mục chi phí ở giai đoạn chuẩn bị dự án; Quyết định số 115/QĐ-CCTL ngày 08/8/2022 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn gói thầu: Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật các công trình từ nguồn kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa 2022(đợt 2) theo Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 15/6/2022; Quyết định số 119/QĐ-CCTL ngày 10/8/2022 về việc chỉ định thầu thực hiện gói thầu khảo sát, lập báo cáo KTKT công trình Kênh chính Suối Ven;
- Tờ trình số 64/TTr-TL ngày 03/10/2022 của Chi cục Thủy lợi Bắc Giang về việc thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Kênh chính Suối Ven.

2. Hồ sơ trình thẩm định

2.1. Tài liệu hồ sơ khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán

- Hồ sơ khảo sát xây dựng công trình;
- Hồ sơ Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình;
- Các Văn bản, tài liệu pháp lý khác có liên quan.

2.2. Các nội dung chủ yếu.

2.2.1. Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được áp dụng:

- TCVN 12845:2020 Tiêu chuẩn quốc gia về Công trình thủy lợi - Thành phần nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế - kỹ thuật
- QCVN 04-05:2012/BNNPTNT Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế
- TCVN 8478:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng

khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế

- TCVN 4118:2021 Công trình thủy lợi - Hệ thống tưới tiêu - Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 9168:2012 Hệ thống tưới tiêu-Phương pháp xác định hệ số tưới lúa.
- TCVN 9164:2012 Hệ thống tưới tiêu -Yêu cầu kỹ thuật vận hành hệ thống kênh.
- TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 9115:2019 về Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu.
- TCVN 4447:2012: Công tác đất - Thi công và nghiệm thu
- TCVN 8646:2011 Công trình thủy lợi - Sơn bảo vệ kết cấu thép và thiết bị cơ khí - Yêu cầu kỹ thuật
- TCVN 9377-2:2012 - Công tác trát trong xây dựng
- TCVN 4085:2011 - Kết cấu gạch đá. Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu
- Các Tiêu chuẩn ngành và Quy phạm thiết kế công trình thủy lợi hiện hành khác...

2.2.2. Quy mô công trình, giải pháp thiết kế chủ yếu:

2.2.2.1. Quy mô xây dựng công trình và các thông số kỹ thuật chủ yếu:

a) Kênh: Phá dỡ kênh cũ bị hư hỏng và cứng hóa kênh chính Suối Ven mặt cắt hình chữ nhật với tổng chiều dài 1.575,0m (do không đủ nguồn kinh phí nên chỉ đầu tư được từ K0-:-K0+674 (trong đó, đoạn kênh có đập tẩm nắp từ K0+503,5 :- K0+570 dài 66,5m) dài 674,0m và đoạn từ K0+874-:-K1+775 dài 901,0m; đoạn kênh hiện trạng còn tốt giữ nguyên từ K0+674-:-K0+874 dài 200m). Thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình được tổng hợp theo Bảng dưới đây:

TT	Tên tuyến kênh	Chiều dài (m)	Lưu lượng thiết kế (m ³ /s)	Độ dốc đáy kênh	Hệ số mái kênh	Chiều rộng đáy (m)	Chiều cao tường (m)
	Tổng cộng	1.575,0	Cứng hóa kênh mặt cắt hình chữ nhật				
-	K0-:-K0+674	674,0	0,194	0,0008	m=0	0,55	0,79
-	K0+874-:-K1+135	261,0	0,194	0,0008	m=0	0,55	0,79
-	K1+135-:-K1+437	302,0	0,134	0,0003	m=0	0,65	0,79
-	K1+437-:-K1+640	203,0	0,089	0,0003	m=0	0,55	0,65
-	K1+640-:-K1+775	135,0	0,060	0,0003	m=0	0,50	0,58

b) Công trình trên kênh: Xây mới 01 bậc nước, 01 cầu máng, 04 cống qua đường; ngoài ra có sửa chữa một số công trình trên kênh để đầu nối với các công trình hiện trạng phù hợp với tuyến kênh sau cải tạo, nâng cấp.

2.2.2.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

a) Kênh: Đáy bê tông M150# dày 15cm, dưới lót cát dày 5cm (tại những vị trí đáy kênh có nền đất yếu hoặc thấp trũng phải bóc bỏ lớp đất yếu thì được bù phụ tôn cao bằng đắp cát đạt độ chặt $K=0,90$; riêng đoạn kênh từ $K0+975-K1+000$ dài 25m có địa chất nền yếu được gia cố bằng cọc tre dài 2,0m, mật độ 16cọc/m²); tường xây gạch bê tông không nung M100#, VXM M75#; dọc chiều dài tuyến kênh chính bố trí giằng ngang (5m/chiếc) BTCT M200# tăng cường ổn định; khe lún (15m/khe) giấy dầu 2 lớp; trát tường VXM M75#; tấm đan BTCT M200#; đắp đất ngoài tường kênh với độ chặt $K=0,85$.

b) Công trình trên kênh:

- Bậc nước: Đáy bê tông M150#; tường xây gạch bê tông không nung M100#, VXM M75#; tường trát VXM M75#; đắp đất hoàn thiện với độ chặt $K=0,85$.

- Cầu máng: Chiều dài 48m, chia làm 06 đoạn (8m/đoạn); khớp nối bằng cao su kết hợp giấy dầu 2 lớp tấm nhựa đường; Trụ đỡ: Móng, trụ và bệ đỡ BTCT M250#, bê tông lót M150#, gia cố móng trụ bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 20cọc/m²; đắp đất độ chặt $K=0,9$; kết cấu kênh dẫn BTCT M250#.

- Công qua đường: Đáy bê tông M150#; trần công kết cấu BTCT M200#; tường xây gạch bê tông không nung M100#, VXM M75#; gờ đỡ bê tông M200#; tường trát VXM75#; đắp đất hoàn thiện với độ chặt $K=0,90$.

- Van điều tiết: Khung giàn van thép hình, cánh phai khung thép hình bụng thép tấm, máy đóng mở quay tay V1.

- Sửa chữa, đấu nối với các công trình hiện trạng: Chi tiết theo hồ sơ thiết kế BVTC.

c) Các chi tiết giải pháp thiết kế khác: Theo hồ sơ thiết kế BVTC.

2.2.3. Phương pháp lập dự toán được lựa chọn và các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí trong dự toán xây dựng trình thẩm định:

- Các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 Quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

- Các Thông tư của Bộ Tài chính: Thông tư 209/TT-BTC ngày 10/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

- Các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021;

- Các Quyết định của Bộ Giao thông vận tải: Quyết định số 32/2005/QĐ-BGTVT ngày 17/6/2005 Ban hành quy định về xếp loại đường để xác định cước vận tải đường bộ; Quyết định số 640/QĐ-BGTVT ngày 04/4/2011 Về việc xếp loại đường để xác định cước vận tải đường bộ năm 2011;

- Văn bản số 4337/TCĐBVN-QLBTĐB ngày 18/8/2015 của Tổng cục đường bộ Việt Nam về việc rà soát, cập nhật và hiệu chỉnh phân loại quốc lộ tính giá cước vận tải năm 2015;

- Các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang: Quyết định số 722/QĐ-UBND ngày 20/5/2008 Về cước vận chuyển hàng hóa bằng phương tiện ô tô áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 về việc xếp loại đường để xác định cước vận tải đường bộ; Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 về việc đặt số hiệu đường tỉnh Bắc Giang;

- Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang Về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Công bố giá các loại vật liệu xây dựng chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư xây dựng tại trung tâm các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang tại Văn bản số 09/CBGVLXD-LS ngày 06/10/2022 của Liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Giang; giá bán lẻ điện bình quân và quy định giá bán điện tại Quyết định số 948/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 của Bộ Công thương; giá xăng dầu theo Văn bản số 6253/BTC-TTTN ngày 11/10/2022 của Bộ Công thương V/v điều hành kinh doanh xăng dầu;

- Các Văn bản chế độ chính sách XD/CB hiện hành.

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu

Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo KTKT: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hà Bắc.

- Tên, chứng chỉ hành nghề: Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400861173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp (*đăng ký lần đầu ngày 12/4/2019*); Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BAN-00027201 do Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang cấp ngày 12/7/2019 (*lĩnh vực hoạt động xây dựng: Khảo sát địa hình, địa chất công trình: Hạng III; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình: Dân dụng, giao thông đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, nông nghiệp và phát triển nông thôn: Hạng III*).

- Họ tên, chứng chỉ hành nghề của cá nhân chủ trì, thực hiện:

+ Chủ nhiệm dự án, chủ trì thiết kế, chủ trì lập dự toán: Ông Đặng Văn Xô có Chứng chỉ hành nghề số BAG-00009865 do Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang cấp ngày 30/9/2022 (*trong đó có lĩnh vực thiết kế công trình thủy lợi - Hạng II và Định giá xây dựng - Hạng II*).

+ Chủ nhiệm khảo sát địa hình: Ông Nguyễn Văn Thuận có Chứng chỉ hành nghề số BXD-00097533 do Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam cấp ngày 20/8/2020 (*trong đó có lĩnh vực hành nghề khảo sát địa hình - Hạng III*).

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG.

1. Sự phù hợp về quy hoạch, mục tiêu, quy mô đầu tư và các yêu cầu khác được xác định trong quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

- Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật được lập cơ bản phù hợp với Quyết định số

594/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang Về việc phân bổ kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2022 (đợt 2). Tuy nhiên, do nguồn kinh phí bố trí cho công trình không đảm bảo đầu tư hết chiều dài tuyến kênh đã được xác định trong Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 15/6/2022.

- Về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hà Bắc đáp ứng đầy đủ điều kiện hoạt động tư vấn có liên quan đến nội dung khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình. Các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm dự án, chủ trì thiết kế, chủ trì dự toán có chứng chỉ hành nghề phù hợp với nội dung công việc đảm nhiệm.

2. Sự đáp ứng yêu cầu của thiết kế bản vẽ thi công về bảo đảm an toàn công trình và biện pháp bảo đảm an toàn công trình lân cận:

Thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình đáp ứng yêu cầu an toàn công trình và không gây ảnh hưởng đến an toàn công trình lân cận.

3. Việc lập tổng mức đầu tư, xác định giá trị tổng mức đầu tư xây dựng:

3.1. Sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định dự toán xây dựng công trình: Về hồ sơ trình thẩm định dự toán xây dựng công trình, danh mục hồ sơ trình thẩm định cơ bản đầy đủ, đáp ứng yêu cầu thẩm định.

3.2. Sự phù hợp của dự toán xây dựng công trình với tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt; phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình.

- Sự phù hợp của dự toán xây dựng công trình với tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt: Phù hợp và không vượt quá tổng mức đầu tư đã được phê duyệt tại Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang Về việc phân bổ kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2022 (đợt 2).

- Phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình: Dự toán công trình lập cơ bản áp dụng, vận dụng đúng định mức, đơn giá, chế độ, chính sách và đầy đủ các khoản mục chi phí theo quy định của Nhà nước.

3.3. Sự phù hợp của nội dung dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ với các nội dung và yêu cầu của dự án: Cơ bản phù hợp.

3.4. Sự phù hợp, đầy đủ của việc xác định khối lượng công tác xây dựng, chủng loại và số lượng thiết bị tính toán trong dự toán xây dựng công trình so với thiết kế: Các khối lượng chủ yếu trong dự toán xây dựng công trình cơ bản phù hợp với khối lượng tính toán từ thiết kế bản vẽ thi công do đơn vị Tư vấn lập (*đơn vị tư vấn đã cập nhật, chỉnh sửa một số khối lượng chưa phù hợp với thiết kế BVTC, bổ sung một số bản vẽ còn thiếu để đủ cơ sở triển khai thi công*).

3.5. Xác định giá trị dự toán xây dựng công trình đảm bảo tính đúng, tính đủ theo quy định; phù hợp với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng; phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công, biện pháp thi công xây dựng định hướng, tiến độ thi công công trình và mặt bằng giá thị trường: Cơ bản phù hợp (*đơn vị tư vấn đã cập nhật, chỉnh sửa một số giá vật liệu, nhiên liệu cho phù hợp với mặt bằng giá tại thời điểm thẩm định,...*).

3.6. Phân tích, đánh giá mức độ, nguyên nhân tăng, giảm của các khoản mục

chi phí so với giá trị dự toán xây dựng công trình đề nghị thẩm định.

Dựa vào các căn cứ và nội dung nêu trên thì giá trị dự toán công trình sau thẩm định là: **3.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Ba tỷ đồng).

Các hạng mục chi phí	Giá trị Chủ đầu tư trình (đồng)	Giá trị sau thẩm định (đồng)	Chênh lệch (đồng)
- Chi phí xây dựng	2.580.454.000	2.489.445.000	-91.009.000
- Chi phí quản lý dự án	61.237.000	60.171.000	-1.066.000
- Chi phí tư vấn ĐTXD	305.842.000	303.342.000	-2.500.000
- Chi phí khác	20.488.000	19.946.000	-542.000
- Chi phí dự phòng	31.979.000	127.096.000	+95.117.000
Tổng	3.000.000.000	3.000.000.000	0

(Chi tiết có phụ lục kèm theo và dự toán công trình sau thẩm định)

*** Nguyên nhân tăng, giảm:**

Điều chỉnh cách tính vận chuyển một số vật liệu từ mỏ về chân công trình cho phù hợp với quy định và điều kiện kinh tế; điều chỉnh, bổ sung khối lượng bóc tách từ BVTC; điều chỉnh mã hiệu định mức, biện pháp thi công một số công việc cho phù hợp với quy định và điều kiện thực tế; kéo dài thêm 75,0m kênh so với chiều dài tuyến kênh chủ đầu tư trình phù hợp với tổng mức đầu tư của dự án; điều chỉnh định mức, khoản mục một số chi phí cho đúng theo quy định hiện hành; cập nhật giá vật liệu xây dựng theo Văn bản số 09/CBGVLXD-LS ngày 06/10/2022 của Liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Giang và giá xăng dầu theo Văn bản số 6253/BCT-TTTN ngày 11/10/2022 của Bộ Công thương.

4. Giải pháp tổ chức thực hiện dự án, phương án giải phóng mặt bằng, hình thức thực hiện dự án:

- Công trình xây dựng cơ bản trên tuyến kênh hiện trạng và hành lang bảo vệ kênh, nên không phải thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

- Hình thức thực hiện dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Hồ sơ Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng đủ điều kiện để phê duyệt. Đề nghị chủ đầu tư phối hợp với tổ chức tư vấn thiết kế có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo kết quả thẩm định.

- Những vấn đề cần lưu ý:

+ Gói thầu xây lắp có quy mô nhỏ phải áp dụng hình thức hợp đồng trọn gói. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, đề nghị chủ đầu tư cùng các bên liên quan rà soát kỹ lại bảng khối lượng công việc để đảm bảo phù hợp với thiết kế được duyệt, tránh gây thất thoát vốn Nhà nước.

+ Trong quá trình triển khai thi công, chủ đầu tư kiểm soát chặt chẽ và chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc xác định vị trí, cự ly mỏ vật liệu (đá, cát) để làm cơ sở nghiệm thu thanh toán khối lượng.

+ Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn lập thiết kế BVTC- Dự toán xây dựng công trình chịu

trách nhiệm về tính chính xác của số liệu kiểm tra thực tế hiện trường và sử dụng các phần mềm hỗ trợ tính toán thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình.

+ Công trình không thực hiện khảo sát địa chất. Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn thiết kế căn cứ kết quả khảo sát địa hình thực tế, ý kiến của đơn vị quản lý sử dụng và người dân để đánh giá và đưa ra giải pháp thiết kế gia cố nền (*gia cố nền bằng cọc tre dài 2,0m, mật độ 16cọc/m đoạn kênh từ K0+975-K1+000; gia cố móng trụ Cầu máng bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 20cọc/m²*). Đề nghị trong quá trình mở móng công trình các vị trí nêu trên, Chủ đầu tư tổ chức thực hiện thí nghiệm địa chất để có cơ sở kiểm toán ổn định nền móng công trình, kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh thiết kế (*nếu cần thiết*) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, tiết kiệm chi phí xây dựng theo quy định.

Trên đây là thông báo của Sở Nông nghiệp và PTNT về kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Kênh chính Suối Ven. Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Nguyễn Văn Dĩnh;
- Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu: VT, QLXDCT_{Tỉnh}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Dĩnh

TỔNG HỢP DỰ TOÁN
CÔNG TRÌNH: KÊNH CHÍNH SUỐI VEN

(Kèm theo Văn bản số: /SNN-QLXDCT ngày /10/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Văn bản áp dụng	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế VAT	Chi phí sau thuế
I	Chi phí xây dựng	Gxd		<i>Dự toán chi tiết kèm theo</i>		2.305.041.388	184.403.311	2.489.445.000
II	Chi phí quản lý dự án	Gqlda	3,263 %	TT số: 12/2021-BXD	3,263% x Gxd x 0,8	60.171.000		60.171.000
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv				281.042.000	22.299.000	303.342.000
1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo KT-KT			Hợp đồng số 12/2022/HĐ-TV ngày 10/8/2022		213.859.259	17.108.741	230.968.000
2	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT thi công xây dựng		0,361 %	TT số: 12/2021-BXD và NĐ số 63/2014/NĐ-CP	0,361% x Gxd x 0,6	4.992.720	399.418	5.392.000
3	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, HS yêu cầu		0,05 %	NĐ số 63/2014/NĐ-CP	0,05% x Gxd	1.153.000		1.153.000
4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu		0,05 %	NĐ số 63/2014/NĐ-CP	0,05% x Gxd	1.153.000		1.153.000
5	Chi phí giám sát thi công xây dựng		2,598 %	TT số: 12/2021-BXD	2,598% x Gxd	59.884.975	4.790.798	64.676.000
IV	Chi phí khác	Gk				19.945.553		19.946.000
1	Chi phí thẩm định BC KT-KT		0,019 %	TT số: 209/2016-BTC	0,019% x TMĐT			570.000
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		0,57 %	NĐ số: 99/2021/NĐ-CP	0,57% x (TMĐT-Gdp)			16.376.000
3	Chi phí kiểm tra công trình trước khi đưa vào sử dụng				Tạm tính			3.000.000
V	Chi phí dự phòng	Gdp						127.096.000
	Theo yếu tố khối lượng công việc phát sinh			TT số: 11/2021-BXD				127.096.000
	TỔNG CỘNG	TMĐT			(I:-V)			3.000.000.000

Bảng chữ: Ba tỷ đồng chẵn ./.